

Bản án số: 11/2021/DS-ST.
Ngày: 02-02-2021.
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng

Các hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Tiến Tịnh và ông Nguyễn Duy Chấn

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Kim Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa: ông Phạm Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 289/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo **quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2020/QĐXXST-DS** ngày 28 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại Cổ phần C; Địa chỉ: Tháp B, Số 35 Hàng V, quận K, thành phố N; **Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Thế H; Chức vụ: Giám Đốc** Ngân hàng thương mại Cổ phần C – chi nhánh Đắc N – Phòng giao dịch M (Theo văn bản ủy quyền số 804/QĐ- N ngày 22/8/2019). Địa chỉ: Số 199 Nguyễn Tất T, thị trấn M, huyện M, tỉnh N – có mặt.

- Bị đơn: ông Tái Văn T; Địa chỉ: Thôn 01, xã R, huyện M, tỉnh N - Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Lưu Thị S; Địa chỉ: Thôn 01, xã R, huyện M, tỉnh N - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 8 năm 2020 và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Thế H trình bày: Vào ngày 05/4/2019 giữa Ngân hàng thương mại Cổ phần C – chi nhánh N – Phòng giao dịch M với ông Tái Văn T và bà Lưu Thị S có ký hợp đồng tín dụng số 01/2019/9690025/HĐTD cho ông Tái Văn T và bà Lưu Thị S vay số tiền 700.000.000 đồng, lãi suất cho vay 11% một năm, thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất cho vay được điều chỉnh vào ngày đầu

tiền của hàng quý (01/01, 01/4, 01/7, 01/10), lãi suất điều chỉnh là lãi suất niêm yết do Ngân hàng thương mại Cổ phần C thông báo tại thời điểm điều chỉnh. Lãi suất quá hạn gấp 150 % lãi suất trong hạn.

Về tài sản đảm bảo: Giữa Ngân hàng thương mại Cổ phần C – chi nhánh N – Phòng giao dịch M với ông Tái Văn T và bà Lưu Thị S đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2017/HĐBD ngày 21/4/2017 thỏa thuận thế chấp các tài sản gồm:

- Thửa đất số 9+94, tờ bản đồ số 34 do UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 325301 cấp ngày 14/4/2005 mang tên ông Tái Văn T và bà Lưu Thị S có diện tích 8001 m². (Đất tọa lạc tại xã R, huyện M, tỉnh N) cùng các tài sản là công trình xây dựng, vật phụ, hoa lợi, lợi tức và các quyền phát sinh từ tài sản, để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

- Thửa đất số 141, tờ bản đồ số 32 do UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 325302 cấp ngày 14/4/2005 mang tên ông Tái Văn T và bà Lưu Thị S có diện tích 15.108 m². (Đất tọa lạc tại xã R, huyện M, tỉnh N) cùng các tài sản là công trình xây dựng, vật phụ, hoa lợi, lợi tức và các quyền phát sinh từ tài sản, để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng khi đến hạn thanh toán thì ông Tái Văn T và bà Lưu Thị S đã trả số tiền lãi cho ngân hàng là 59.824.658 đồng, cụ thể như sau: Ngày 05/7/2019 trả số tiền lãi 19.197.260 đồng; ngày 07/10/2019 trả số tiền lãi 19.830.000 đồng; ngày 17/02/2020 trả số tiền lãi 19.197.261 đồng, ngày 30/6/2020 trả số tiền gốc 1.600.000 đồng. Vì vậy ông, bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 05/4/2020 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng. Nay Ngân hàng thương mại Cổ phần C – chi nhánh N – Phòng giao dịch M yêu cầu Tòa án buộc ông Tái Văn T và bà Lưu Thị S phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 02/02/2021 là: 813.321.128 đồng; trong đó tiền gốc là: 698.400.000 đồng, tiền lãi trọng hạn là: 19.197.260 đồng, tiền lãi quá hạn 95.723.868 đồng.

Yêu cầu ông Tái Văn T và bà Lưu Thị S phải tiếp tục chịu lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Trong trường hợp bị đơn không thực hiện đúng việc trả nợ thì yêu cầu Tòa án cho kê biên, phát mãi các tài sản của ông Tái Văn T và bà Lưu Thị S để thu hồi nợ.

2. Bị đơn ông Tái Văn T và bà Lưu Thị S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hoặc có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, người được ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải thanh toán nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, bị đơn phải tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận cho đến khi trả xong toàn bộ nợ, trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

- Về nội dung vụ án: Áp dụng các Điều 317, 318, 322, 323, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ gốc 698.400.000 đồng, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn (ông Tái Văn T và bà Lưu Thị S) có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 01, xã R, huyện M, tỉnh N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hợp đồng tín dụng: ông Tái Văn T và bà Lưu Thị S vay vốn tại Ngân hàng thương mại Cổ phần C – chi nhánh N – Phòng giao dịch M, địa chỉ tại số 199 Nguyễn Tất T, thị trấn M, huyện M, tỉnh N theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/9690025/HĐTD ký ngày 05/4/2019 vay số tiền 700.000.000 đồng, lãi suất cho vay 11% một năm, thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất cho vay được điều chỉnh vào ngày đầu tiên của hằng quý (01/01, 01/4, 01/7, 01/10), lãi suất điều chỉnh là lãi suất niêm yết do Ngân hàng chi nhánh Đắk N thông báo tại thời điểm điều chỉnh. Lãi suất quá hạn gấp 150 % lãi suất trong hạn. Như vậy, việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Tái Văn T và bà Lưu Thị S đã trả số tiền lãi cho ngân hàng là 59.824.658 đồng cụ thể như sau: Ngày 05/7/2019 trả số tiền lãi 19.197.260 đồng, ngày 07/10/2019 trả số tiền lãi 19.830.000 đồng, ngày 17/02/2020 trả số tiền lãi 19.197.261 đồng, ngày 30/6/2020 trả số tiền gốc 1.600.000 đồng. Tuy nhiên khi đến hạn trả tiền gốc thì ông Tái Văn T và bà Lưu Thị S không trả số tiền gốc theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng được ký kết giữa 02 bên, ông T, bà S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng kể từ ngày 05/04/2020. Do đó việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T, bà S phải thanh toán toàn bộ số nợ là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số nợ gốc là: 698.400.000 đồng (Sáu trăm chín mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất, Hội đồng xét xử xét thấy: Nội dung thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi phạt chậm trả giữa Ngân hàng và ông T, bà S theo hợp đồng tín dụng, đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ là phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay của các tổ chức tín dụng tại Điều 3, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp với các quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn tạm tính đến ngày xét xử 02/02/2021 là: 813.321.128 đồng; trong đó tiền gốc là: 698.400.000 đồng, tiền lãi trong hạn là: 19.197.260 đồng, tiền lãi quá hạn 95.723.868 đồng. Ông T, bà S phải tiếp tục phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ kể từ ngày 03/02/2021 cho đến khi trả xong nợ.

[2.2] Đối với tài sản thế chấp:

[2.2.1] Hiệu lực của hợp đồng thế chấp: Để đảm bảo cho các khoản vay, Ngân hàng thương mại Cổ phần C – chi nhánh N – Phòng giao dịch M với ông Tái Văn T và bà Lưu Thị S đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2017/HĐBĐ ngày 21/4/2017 thỏa thuận thế chấp các tài sản gồm:

- Thửa đất số 9+94, tờ bản đồ số 34 do UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 325301 cấp ngày 14/4/2005 mang tên ông Tái Văn T và bà Lưu Thị S có diện tích 8001m². (Đất tọa lạc tại xã R, huyện M, tỉnh N) cùng các tài sản là công trình xây dựng, vật phụ, hoa lợi, lợi tức và các quyền phát sinh từ tài sản, để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

- Thửa đất số 141, tờ bản đồ số 32 do UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 325302 cấp ngày 14/4/2005 mang tên ông Tái Văn T và bà Lưu Thị S có diện tích 15.108m². (Đất tọa lạc tại xã R, huyện M, tỉnh N) cùng các tài sản là công trình xây dựng, vật phụ, hoa lợi, lợi tức và các quyền phát sinh từ tài sản, để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Xét thấy, Hợp đồng thế

chấp được lập đúng hình thức, nội dung và có đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

[2.2.2] Về xử lý tài sản thế chấp: Tại khoản 2 Điều 8 của các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, các bên thỏa thuận về các trường hợp Ngân hàng thương mại Cổ phần C – chi nhánh N – Phòng giao dịch M được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong đó xác định rõ “Bên thế chấp vi phạm hợp đồng và ngân hàng đánh giá việc xử lý tài sản thế chấp là cần thiết để thu hồi nợ.....”.

Như vậy, nếu ông T, bà S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo theo nội dung các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng ủy quyền, các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, các văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên.

[3] Đối với ông T, bà S mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần (đã tiến hành thông báo, niêm yết theo đúng quy định của pháp luật) nhưng không đến Tòa án làm việc; không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra chứng cứ để chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về chi phí cho việc xem xét, thẩm định tài sản là: 4.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng có căn cứ nên ông T, bà S phải chịu trách nhiệm về số tiền chi phí cho việc xem xét, thẩm định tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 299, 317, 318, 320, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 3, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần C – chi nhánh N đối với bị đơn ông Tái Văn T và bà Lưu Thị S. Buộc ông Tái Văn T và bà Lưu Thị S phải trả cho Ngân hàng thương mại Cổ phần C – chi nhánh

N tổng số tiền tính đến ngày 02/02/2021 là 813.321.128 đồng; trong đó tiền gốc là: 698.400.000 đồng, tiền lãi trong hạn là: 19.197.260 đồng, tiền lãi quá hạn 95.723.868 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03/02/2021) ông Tái Văn T và bà Lưu Thị S phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng 01/2019/9690025/HĐTD ngày 05/4/2019 cho đến khi trả xong nợ.

2. Trường hợp ông Tái Văn T và bà Lưu Thị S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại Cổ phần C – chi nhánh Đắk Nông có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp gồm:

- Thửa đất số 9+94, tờ bản đồ số 34 do UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 325301 cấp ngày 14/4/2005 mang tên ông Tái Văn T và bà Lưu Thị S có diện tích 8001 m². (Đất tọa lạc tại xã R, huyện M, tỉnh N) cùng các tài sản là công trình xây dựng, vật phụ, hoa lợi, lợi tức và các quyền phát sinh từ tài sản, để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

- Thửa đất số 141, tờ bản đồ số 32 do UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 325302 cấp ngày 14/4/2005 mang tên ông Tái Văn T và bà Lưu Thị S có diện tích 15.108m². (Đất tọa lạc tại xã R, huyện M, tỉnh N) cùng các tài sản là công trình xây dựng, vật phụ, hoa lợi, lợi tức và các quyền phát sinh từ tài sản, để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

3. Về án phí: ông Tái Văn T và bà Lưu Thị S phải nộp số tiền 36.399.500đ (Ba mươi sáu triệu ba trăm chín mươi chín nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại Cổ phần C – chi nhánh N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.238.000 đồng (Mười bảy triệu hai trăm ba mươi tám nghìn đồng) theo biên lai số 0003596 ngày 08/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

4. Về chi phí cho việc xem xét, thẩm định tài sản: Căn cứ Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự: ông Tái Văn T và bà Lưu Thị S có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng thương mại Cổ phần C – chi nhánh N chi phí xem xét, thẩm định tài sản với số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa****Nguyễn Thế Thắng**